

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P1c

Bản án số: 95/2025/HS-ST

Ngày: 26-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1986; nơi sinh: Tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Huy Khiêm – Bộ Công an, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Bùi Anh K, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, ấp A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Bùi Văn P, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp T, ấp A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1986; địa chỉ: Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Anh K (sinh năm 1990, nơi thường trú: ấp T, ấp A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng) và ông Nguyễn Văn P1 (sinh năm 1986, nơi thường trú: phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng) có mối quan là anh em rể với nhau (vợ ông P1 là chị ruột của ông K). Ông P1 và Nguyễn Hoàng A có mối quan hệ là bạn với nhau.

Khoảng 14 giờ 00 P1t ngày 26/11/2017, ông K điều khiển xe mô tô biển số 83C1-365.46 đi đến phòng trọ của ông P1 thuộc tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương để chơi thì gặp A đang ở trong phòng trọ của ông P1. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông P1, ông K và A tổ chức ăn uống với nhau. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, do hết đá để uống bia nên A bảo K cho mượn xe 83C1-365.46 để đi mua đá thì ông K đồng ý. Sau khi A mượn xe của ông K, A nảy sinh ý định chiếm đoạt để làm phương tiện đi lại. Sau đó, A điều khiển xe mô tô biển số 83C1-365.46 đi đến 01 tiệm game bắn cá (không rõ địa chỉ) thuộc khu vực Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để chơi game. Quá trình chơi game A thua hết tiền nên đã bán xe mô tô biển số 83C1-365.46 cho 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 4.800.000 đồng.

Sau khi ông K cho A mượn xe mô tô biển số 83C1-365.46, không thấy Amang xe về trả và không liên lạc được với A nên ông K đến Công an phường T, thị xã (nay là thành phố) T trình báo vụ việc Anh chiếm đoạt xe mô tô biển số 83C1-365.46. Công an phường T hoàn tất hồ sơ tin báo và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã (nay là thành phố) T thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 137/KLTS-TTHS ngày 26/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 83C1-365.46 (đã qua sử dụng) trị giá 17.500.000 đồng. Xe mô tô biển số 83C1-365.46 do ông Bùi Văn P (sinh năm 1964, nơi thường trú: xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; là cha ruột của bị hại K) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông P khai nhận: Xe mô tô biển số 83C1-365.46 ông P mua cho K để cho K sử dụng, ông Bùi Văn P yêu cầu Nguyễn Hoàng A bồi thường số tiền 18.000.000 đồng.

Cáo trạng số 133/CT-VKSTU ngày 06/5/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 17.500.000 đồng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho bị hại ông Bùi Anh K số tiền 17.500.000 đồng.

+ Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Không có.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng A khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt Viện Kiểm sát đề nghị, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm và trở thành một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại ông Bùi Anh K và người làm chứng ông Nguyễn Văn P1 vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của bị hại và người làm chứng không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện Kiểm sát và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và kết luận định giá. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 26/11/2017, tại khu phố K, phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Hoàng A sau khi được ông Bùi Anh K tin tưởng, giao xe

mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 83C1-365.46 làm phương tiện đi lại, A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem xe mô tô biển số 83C1-365.46 bán cho 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân) ở khu vực thuộc Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy số tiền 4.800.000 đồng nhằm tiêu xài cá nhân. Tại thời điểm chiếm đoạt xe mô tô biển số 83C1-365.46 có giá trị là 17.500.000 đồng. Do đó, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý nghi ngờ, mất lòng tin lẫn nhau trong nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên đã cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Hoàng A có nhân thân xấu, ngày 07/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tổng hợp hình phạt: Ngày 07/12/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/8/2020 theo Bản án số 191/2020/HS-ST. Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án số 191/2020/HS-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án.

[8] Mức hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô biển số 83C1-365.46 do ông Bùi Văn P (là cha ruột của bị hại K) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông P khai nhận xe mô tô biển số 83C1-365.46 ông P mua cho K để cho ông K sử dụng. Tại phiên tòa, ông Bùi Văn P yêu cầu bị cáo Nguyễn Hoàng A bồi thường số tiền 17.500.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Xe mô tô hiệu Honda, loại Wave Alpha, biển số 83C1-365.46 bị cáo đã bán cho 01 người nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) và không có giấy tờ mua bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố T không thể thu hồi và xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoàng A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng A 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của bản án này với Bản án số 191/2020/HS-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều: 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng A có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Anh K số tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Hoàng A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương